

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2017/DS-ST

Ngày: 24-5-2017

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Hoan

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Sơn
Bà Huỳnh Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Bích Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng

Ngày 24/5/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn Tp Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2016/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2016 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2017/QĐST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số: 05/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà A – Sinh năm 1957

Trú tại: đường M, quận N, thành phố Đà Nẵng - Có mặt.

2. Bị đơn: Bà B – Sinh năm 1966

Trú tại: đường L, phường S, quận Y, thành phố Đà Nẵng - Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà C – Sinh năm: 1988.

HKTT: Tổ X, phường S, quận Y, thành phố Đà Nẵng; trú tại: đường V, phường H, quận E, thành phố Đà Nẵng - Có mặt.

4. Người làm chứng: Bà D – Sinh năm: 1964.

Trú tại: đường M, quận N, thành phố Đà Nẵng – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/11/2016 và các bản trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày:

Ngày 21/7/2016 bà có cho bà B mượn số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), mục đích để đảo nợ ngân hàng, với thời hạn mượn là 10 ngày, bà B có viết giấy mượn tiền. Trong giấy không tính lãi suất, nhưng hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, tuy nhiên bà chưa nhận tiền lãi lần nào. Quá thời hạn bà đã nhiều lần yêu cầu bà B trả lại số tiền trên, nhưng bà B cứ hẹn lần này đến lần khác không trả. Tại phiên tòa hôm nay bà A yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị B phải trả cho bà số tiền gốc 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 24/5/2017 là 15.000.000đ; tổng cộng là 215.000.000đ (hai trăm mười lăm triệu đồng).

Tại biên bản hòa giải ngày 14/02/2017, bà Nguyễn Thị B trình bày:

Ngày 21/7/2016 bà có viết giấy mượn số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) từ bà A đưa cho bà Nguyễn Thị C. Nhưng thực chất số tiền đó là của ông T (bà không rõ lai lịch) đưa cho bà A để bà A cho bà C mượn và số tiền đó người trực tiếp nhận là bà C.

Do tin tưởng nên bà nghĩ bà C đã trả tiền cho bà A, không ngờ đến nay chưa trả, nay bà A khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 200.000.000đ và tiền lãi theo quy định pháp luật, bà có ý kiến như sau:

Trên thực tế bà không sử dụng số tiền 200.000.000đ do bà A đưa nhưng bà là người trực tiếp viết giấy nợ nên bà chịu trách nhiệm. Nhưng do hiện nay làm ăn khó khăn nên bà xin trả cho bà A mỗi tháng 4.000.000đ cho đến khi trả xong hết nợ và bà chỉ xin trả lại số tiền nợ gốc chứ không có khả năng trả tiền lãi phát sinh.

Tại phiên tòa, bà B cho rằng số tiền này bà viết giấy mượn nhưng thực tế bà C là người sử dụng nên bao giờ bà C trả cho bà thì bà sẽ trả cho bà A và bà xin không trả lãi.

Tại biên bản hòa giải ngày 14/2/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà C thừa nhận, bà có nhờ bà Nguyễn Thị B mượn số tiền là 200.000.000đ. Do đó, vào ngày 21/7/2016 bà B có vay giùm cho bà số tiền 200.000.000đ của bà Nguyễn Thị A. Bà xác nhận trong giấy mượn tiền bà B ký tên mượn của bà Nguyễn Thị A nhưng thực chất bà là người nhận số tiền trên. Nhưng do làm ăn thua lỗ nên đến nay bà chưa trả được số tiền trên cho bà A. Nay bà A yêu cầu bà B trả số tiền gốc 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật, thì ý kiến của bà như sau: Bà sẽ chịu trách nhiệm trả tiền nợ gốc 200.000.000đ và thời gian trả nợ chia làm 05 đợt cứ mỗi năm trả 40.000.000đ và xin trả trong vòng 05 năm cho bà B để bà B trả cho bà A.

Tại phiên tòa, bà C trình bày: Do khó khăn, nên xin trả mỗi tháng 2.000.000đ cho bà B cho đến khi trả xong dứt điểm số tiền 200.000.000đ và xin không trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp :

Vào ngày 21/7/2016, do có mối quan hệ quen biết từ trước nên bà B có mượn của bà A 200.000.000đ, việc vay mượn này giữa bà B và bà A được thể hiện bằng giấy mượn tiền ghi ngày 21/7/2016 do chính bà B ký; đây là quan hệ dân sự về vay tài sản được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều thừa nhận việc bà B có vay tiền của bà A. Tuy nhiên, bà B thì cho rằng thực chất số tiền đó là của ông T (Hà Phước Trương T, sinh năm 1963; trú tại: đường U, phường K, quận N, TP. Đà Nẵng) đưa cho bà A để bà A cho bà C mượn và số tiền đó người trực tiếp nhận là bà C nên trên thực tế bà không sử dụng số tiền 200.000.000đ do bà A đưa.

Điều đó thể hiện việc bà B vay mượn số tiền 200.000.000đ của bà A là có thật. Mặc dù, (theo bà B trình bày) bà không trực tiếp sử dụng số tiền đó nhưng bà là người trực tiếp viết giấy mượn tiền của bà A nên bà phải có trách nhiệm trả nợ cho bà A.

Xét lời trình bày của bà B: “Thực tế bà C là người sử dụng số tiền 200.000.000đ của bà A, nên bao giờ bà C trả cho bà thì bà sẽ trả cho bà A” thì thấy: Việc vay nợ của bà B đối với bà A được thể hiện là giấy mượn tiền do bà B viết và ký, các bên đương sự đều thừa nhận; nên việc bà B có đưa số tiền đó cho bà C sử dụng hay không thì đây là mối quan hệ của bà B đối với bà C, khi nào có phát sinh tranh chấp giữa bà đối với bà C sẽ được Tòa án xem xét giải quyết ở vụ án khác.

Xét yêu cầu của bà A buộc bà B phải trả cho bà số tiền lãi 15.000.000đ thì thấy: Kể từ ngày bà B viết giấy mượn tiền của bà A đến nay là 10 tháng 03 ngày (từ 21/7/2016 đến 24/5/2017) nhưng bà A chỉ yêu cầu tính lãi tròn 10 tháng với mức lãi suất 0,75%/tháng, phù hợp với mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử là hoàn toàn thỏa đáng, nên HĐXX chấp nhận.

Xét, yêu cầu: “Xin chỉ trả tiền gốc và xin không trả lãi” của bà B thì thấy: Tại phiên tòa, yêu cầu này không được bà A chấp nhận; yêu cầu xin không trả tiền lãi của bà B làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi hợp pháp của bà A nên HĐXX không chấp nhận.

Nay bà A khởi kiện yêu cầu bà B trả số nợ gốc 200.000.000đ và 15.000.000đ. HĐXX căn cứ quy định tại các Điều 357, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, chấp nhận

yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A. Buộc bà B phải có nghĩa vụ trả cho bà A tổng cộng 215.000.000đ (trong đó 200.000.000đ tiền gốc và 15.000.000đ tiền lãi) là đúng quy định của Pháp luật.

Ngoài ra, trong vụ án này, bà B còn trình bày: Số tiền mà Bà A đưa cho bà B mượn thực tế là tiền của ông T. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Hà Phước Trương T cũng đã có bản trình bày gửi cho Tòa án rằng: Ông không có liên quan và không biết việc vay mượn giữa bà B và bà A nên HĐXX không xem xét.

[3] Về Án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà A đối với bà B được HĐXX chấp nhận nên bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Pháp luật là $215.000.000 \times 5\% = 10.750.000\text{đ}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 357, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A đối với bà Nguyễn Thị B;

Tuyên xử:

[1] Buộc bà Nguyễn Thị B phải trả cho bà Nguyễn Thị A 200.000.000đ tiền gốc và 15.000.000đ tiền lãi. Tổng cộng là 215.000.000đ (Hai trăm mười lăm triệu đồng).

[2] Kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B phải chịu 10.750.000đ (Mười triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

[4] Bà Nguyễn Thị A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000đ theo biên lai thu số 0004079 ngày 07 tháng 12 năm 2016 của cơ quan thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

[5] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 24/5/2017.

Nơi nhận:

- Đương sự
- Chi cục THADS quận NHS,
- VKSND quận NHS
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Công Hoan